CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE/G-AUTOMOBILE JOINT STOCK COMPANY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
No/Số: 43/2026/CV-GMA	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence – Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026
Hanoi, August 28 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi/To:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- **The State Securities Commission of Vietnam;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;**
- **The Hanoi Stock Exchange.**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần G-Automobile thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance, providing guidance on information disclosure in the securities market, G-Automobile Joint Stock Company hereby discloses the reviewed semi-annual financial statements (FS) for the year 2026 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty cổ phần G-Automobile/G-*Automobile Joint Stock Company*
   - Mã chứng khoán/*Stock code*: GMA
   - Địa chỉ/*Address*: Số 11 Phạm Hùng, Phường Cầu Giấy, Hà Nội/ *No. 11 Pham Hung, Cau Giay Ward, Hanoi*
   - Điện thoại liên hệ/*Phone*: 0968 527 673
   - Email: gma@g-automobile.vn
   - Website: http://www.g-automobile.vn
2. Nội dung thông tin công bố/*Content of published information*:
   - BCTC soát xét bán niên năm 2026/*Reviewed semi-annual financial statements for the year 2026*

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/*Separate financial statements (Listed companies without subsidiaries and superior accounting units with affiliated units)*

☑ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/*Consolidated financial statements (Listed companies with subsidiaries)*

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/*General financial statements (Listed companies have their own accounting units and separate accounting apparatus)*

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/*Cases that require explanation:*

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *Net profit after corporate income tax in the income statement for the reporting period changed by 10% or more compared to the same period of the previous year.*

☑ Có/Yes ☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanatory text in case of "yes" selection:*

☑ Có/Yes ☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/*Net profit after tax in the reporting period incurred a loss, changing from a profit in the same period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa.*

☐ Có/Yes ☑ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có: *Explanation Document in case of "yes" selection:*

☐ Có/Yes ☑ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại/*Net profit after tax for the reporting period shows a discrepancy of 5% or more before and after the review, resulting in a change from loss to profit or vice versa.*

☐ Có/Yes ☑ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanatory text in case of "yes" selection:*

☐ Có/Yes ☑ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2026 tại đường dẫn: http://www.g-automobile.vn.

This information was published on the company's website on: 28/08/2026 at the link: http://www.g-automobile.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

We hereby commit that the information published above is true and take full legal responsibility for the content of the published information.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
- BCTC soát xét bán niên năm 2026 của Công ty mẹ và Hợp nhất/*Reviewed Semi-Annual Separate and Consolidated Financial Statements for 2026;*
- Văn bản giải trình số 42/2026/CV-GMA/ *Explanatory document No. 42/2026/CV-GMA.*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

M.S.D.N:0105558271-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE * Q. NAM TỪ LIÊM, T.P HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thanh Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(đã được soát xét)

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	
Báo cáo tình hình tài chính riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10-25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần G - Automobile (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Công ty

Công ty Cổ phần G - Automobile.

Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105558271 ngày 10/10/2011.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0105558271, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 04/06/2025.
Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở

Số 11, Đường Phạm Hùng, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo:

Ông	Lê Quốc Khánh	Chủ tịch
Bà	Đào Thị Như Thùy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/04/2026)
Ông	Nguyễn Trần Minh Quân	Thành viên
Bà	Võ Hà Trúc Quỳnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/04/2026)

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo:

Bà	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo:

Bà	Lê Thị Hương Giang	Trưởng ban
Bà	Trịnh Lệ Thủy	Thành viên
Bà	Đinh Thị Duyên	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Bà	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025, Thông tư 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, Việt Nam, ngày 26 tháng 08 năm 2026
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0105558271 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Tầng 14 tòa nhà SUDICO, đường Mễ Trì, phường Từ Liêm, TP. Hà Nội
T: (+84 24) 3868 9566 (+84 24) 3868 9588
F: (+84 24) 3868 6248 W: www.kiemtoanava.com.vn

Số: 638/BCKT-TC/AVA

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần G - Automobile

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần G - Automobile, được lập ngày 26/08/2026, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần G - Automobile tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này vào ngày 28/03/2026.
Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này vào ngày 28/08/2025.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
P. TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Đỗ Thị Duyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
3642-2026-126-1
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Mẫu số B 01 - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**2.518.592.201**	**2.490.253.928**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	V.1	**88.971.404**	**666.063.172**
1.	Tiền	111		88.971.404	666.063.172
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**2.369.620.797**	**1.824.190.756**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	601.470.000	1.181.576.931
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	64.800.000	-
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	1.703.350.797	642.613.825
III.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**60.000.000**	**-**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7	60.000.000	-
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**278.563.115.965**	**278.563.115.965**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	-
	- Nguyên giá	222		227.751.865	227.751.865
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(227.751.865)	(227.751.865)
I.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**	V.2	**278.563.115.965**	**278.563.115.965**
1.	Đầu tư vào công ty con	261		256.933.115.965	256.933.115.965
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		21.630.000.000	21.630.000.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**281.081.708.166**	**281.053.369.893**

Mẫu số B 01 - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**616.463.393**	**945.870.005**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**616.463.393**	**945.870.005**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	132.000.000	-
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.9	143.324.551	189.333.163
3.	Phải trả người lao động	315		236.449.275	494.207.275
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.10	65.000.000	230.000.000
5.	Phải trả ngắn hạn khác	320	V.11	39.689.567	32.329.567
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	V.12	**280.465.244.773**	**280.107.499.888**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.999.990.000	199.999.990.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.999.990.000	199.999.990.000
2.	Thặng dư vốn	412		76.628.400.000	76.628.400.000
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.836.854.773	3.479.109.888
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		3.479.109.888	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		357.744.885	3.479.109.888
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**281.081.708.166**	**281.053.369.893**

Hà Nội, Việt Nam, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Thị Thanh Thủy

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.500.245.455	1.785.000.000
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**1.500.245.455**	**1.785.000.000**
3.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	300.000.000	492.212.104
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**1.200.245.455**	**1.292.787.896**
5.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	199.516	10.690.329.230
7.	Chi phí tài chính	23		-	-
	Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	753.263.865	1.014.234.353
9.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**447.181.106**	**10.968.882.773**
10.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**447.181.106**	**10.968.882.773**
11.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	89.436.221	213.776.555
12.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**357.744.885**	**10.755.106.218**
13.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**		**(332)**	**(51)**
14.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**		**(332)**	**(51)**

Hà Nội, Việt Nam, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Thị Thanh Thủy

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	**01**		**447.181.106**	**10.968.882.773**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**				
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(199.516)	(10.690.329.230)
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**08**		**446.981.590**	**278.553.543**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(545.430.041)	1.381.203.000
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(254.664.520)	(124.997.640)
	- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(60.000.000)	132.047.104
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(164.178.313)	(314.435.572)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(577.291.284)**	**1.352.370.435**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(34.840.000.000)
2.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	47.741.700.000
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		199.516	9.900.249.230
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**199.516**	**22.801.949.230**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(19.318.356.050)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**-**	**(19.318.356.050)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(577.091.768)**	**4.835.963.615**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**666.063.172**	**395.056.998**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**88.971.404**	**5.231.020.613**

Hà Nội, Việt Nam, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Thị Thanh Thủy

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần G - Automobile.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105558271, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 04/06/2025, do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính: Số 11, Đường Phạm Hùng, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 199.999.990.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 19.999.999 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Bán ô tô và cung cấp dịch vụ quản lý

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán ô tô, cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ - Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	55%	55%	Số 11 Phạm Hùng, phường Cầu Giấy, Tp.Hà Nội - Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Cho thuê Ô tô An Hòa Phát	90%	90%	Số 11 Phạm Hùng, phường Cầu Giấy, Tp.Hà Nội - Cho thuê ô tô.
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại An đô	86%	86%	Số 168 Phạm Văn Đồng, phường Đông Ngạc, Tp. Hà Nội - Cho thuê ô tô.
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Đô Vĩnh Phúc	70%	70%	Đường Nguyễn Tất Thành, phường Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Bán lẻ ô tô con.

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ - Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại An Dân Hà Nội	45,375%	45,375%	Số 1, Đường Nguyễn Văn Linh, Tp. Hà Nội - Kinh doanh ô tô

6. Số lượng người lao động tại thời điểm cuối niên độ hoặc số lượng người lao động bình quân trong niên độ

Tại ngày 30/06/2026, số cán bộ nhân viên là: 06 người.
Tại ngày 01/01/2026, số cán bộ nhân viên là: 06 người.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND").

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Thay đổi trong các chính sách kế toán và trình bày Báo cáo tài chính

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Thông tư 99/2025/TT-BTC có thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong Báo cáo tài chính. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số VII.5.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ phù hợp với từng nghiệp vụ. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ theo quy định hiện hành. Tỷ giá ghi sổ được xác định theo phương pháp đích danh hoặc bình quân gia quyền.

Khi mua, bán ngoại tệ, tỷ giá áp dụng là tỷ giá quy định trong hợp đồng giữa Công ty và ngân hàng thương mại. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; riêng tiền gửi ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng nơi mở tài khoản. Các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng khó đòi không được đánh giá lại phần giá trị đã được dự phòng.

Trường hợp ngân hàng thương mại không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ phát sinh giao dịch, Công ty sử dụng một đồng tiền trung gian để quy đổi theo quy định hiện hành và áp dụng nhất quán trong kỳ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và các tổ chức khác, tiền đang chuyển, ngoại tệ và các khoản tiền khác theo quy định. Vàng tiền tệ (nếu có) là vàng được nắm giữ với mục đích cất trữ giá trị và không bao gồm vàng được phân loại là hàng tồn kho. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay và các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn nhằm mục đích thu lãi, không bao gồm các công cụ phái sinh. Các khoản đầu tư này được trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá khả năng tổn thất của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và trích lập dự phòng tổn thất (nếu có). Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo nguyên tắc kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm Công ty có quyền sở hữu, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá gốc khoản đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm góp vốn.

Công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết được xác định trên cơ sở quyền kiểm soát, quyền đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể của Công ty đối với đơn vị được đầu tư, căn cứ chủ yếu vào tỷ lệ quyền biểu quyết và các thỏa thuận có liên quan.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản lợi nhuận được chia từ lợi nhuận lũy kế phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính; các khoản phân phối khác được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá khả năng tổn thất của các khoản đầu tư và thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có) theo quy định hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ và các yếu tố cần thiết khác phục vụ công tác quản lý.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ có dấu hiệu không thu hồi được hoặc khó có khả năng thu hồi theo quy định hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình (bao gồm cả cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ, súc vật làm việc), TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, các tài sản này được phản ánh theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản được vốn hóa vào nguyên giá TSCĐ.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Công ty xem xét thời gian sử dụng hữu ích và phương pháp khấu hao định kỳ; các thay đổi (nếu có) được áp dụng cho năm hiện hành và các kỳ tiếp theo theo quy định hiện hành.

Thời gian khấu hao được xác định căn cứ vào thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03-20 năm
- Máy móc, thiết bị	05-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-08 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05-08 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm
- Phần mềm máy tính	05 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03-05 năm

6. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các khoản chi đã phát sinh nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán, như chi phí thuê tài sản, bảo hiểm trả trước, công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ, lợi thế thương mại và các khoản chi phí khác được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ theo quy định hiện hành.

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp và thời gian phù hợp với tính chất, mức độ thu hồi lợi ích kinh tế của từng khoản chi phí. Công ty theo dõi chi tiết từng khoản chi phí chờ phân bổ theo giá trị phát sinh, giá trị đã phân bổ và giá trị còn lại chưa phân bổ.

Các khoản chi phí liên quan đến một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn. Các khoản chi phí mang lại lợi ích kinh tế cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ dài hạn và được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ liên quan.

7. Nguyên tắc kế toán phải trả người bán

Phải trả người bán bao gồm các khoản nợ phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và các giao dịch có tính chất thương mại khác với nhà cung cấp. Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn thanh toán, nguyên tệ và các yếu tố cần thiết khác phục vụ công tác quản lý.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại. Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ và được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản phải trả được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng khi có bằng chứng cho thấy nghĩa vụ thanh toán có khả năng phát sinh.

8. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức, lợi nhuận phải trả được ghi nhận là nợ phải trả khi việc phân phối lợi nhuận đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Giá trị ghi nhận là số tiền phải thanh toán cho các cổ đông, thành viên góp vốn hoặc chủ sở hữu.

Công ty theo dõi thời hạn thanh toán, tình hình thanh toán và năm tài chính của lợi nhuận được sử dụng để phân phối đối với từng khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả khi có thể xác định được. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được phê duyệt sau ngày kết thúc kỳ kế toán không được ghi nhận là nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán mà được trình bày là sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí đã phát sinh liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận hoặc các nghĩa vụ phải thanh toán trong kỳ nhưng chưa có đủ chứng từ để thanh toán tại ngày báo cáo. Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận trên cơ sở ước tính hợp lý, phù hợp với nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Các khoản chi phí phải trả được rà soát và quyết toán với chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số đã trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận điều chỉnh vào chi phí trong kỳ phát sinh chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm các khoản doanh thu đã thu tiền nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán, như doanh thu cho thuê tài sản nhận trước và các khoản doanh thu nhận trước khác chưa đủ điều kiện ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hiện tại.

Doanh thu chờ phân bổ được ghi nhận theo số tiền đã thu và được phân bổ vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian hoặc mức độ thực hiện nghĩa vụ liên quan.

Doanh thu chờ phân bổ không bao gồm các khoản tiền nhận trước của khách hàng đối với hàng hóa, dịch vụ chưa cung cấp và các khoản doanh thu chưa thu được tiền.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

11.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp và được phản ánh theo mệnh giá cổ phiếu phát hành.

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu sau khi trừ các chi phí phát hành liên quan.

Quyền chọn chuyển đổi của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là một cấu phần vốn chủ sở hữu, được xác định tại thời điểm phát hành trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu. Khi trái phiếu đáo hạn hoặc được chuyển đổi, giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển theo quy định hiện hành.

Vốn khác của chủ sở hữu bao gồm các khoản vốn được bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản được hỗ trợ, tài trợ, biếu tặng, chênh lệch từ các giao dịch dưới sự kiểm soát chung, chênh lệch đánh giá lại tài sản và các khoản khác được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định.

11.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của doanh nghiệp sau khi thực hiện trích lập các quỹ, chia cổ tức, phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cũng bao gồm các khoản điều chỉnh hồi tố do thay đổi chính sách kế toán hoặc sửa chữa sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Việc ghi nhận và phân phối lợi nhuận được thực hiện trên cơ sở kết quả kinh doanh và các quyết định phân phối lợi nhuận hợp pháp của Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

12.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng
Công ty chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Công ty chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

12.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:
- Thu nhập từ tiền lãi như lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu và các khoản lãi khác;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh sau ngày đầu tư;
- Thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý các khoản đầu tư tài chính;
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, bao gồm lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và lãi bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận theo các nguyên tắc sau:
- Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn;
- Đối với hoạt động mua, bán ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận theo số lãi thuần từ giao dịch;
- Lãi tiền gửi được ghi nhận theo thời gian và không bao gồm lãi phát sinh từ việc đầu tư tạm thời nguồn vốn vay riêng được vốn hóa;
- Lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp chỉ được ghi nhận khi có khả năng thu hồi và khoản gốc không thuộc đối tượng phải trích lập dự phòng;
- Lãi trái phiếu, cổ tức và lợi nhuận được chia chỉ được ghi nhận đối với phần phát sinh sau ngày đầu tư;
- Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính và không làm tăng giá trị khoản đầu tư, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và bao gồm giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ, bất động sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh.
Công ty áp dụng nguyên tắc thận trọng trong việc ghi nhận giá vốn hàng bán. Các khoản tổn thất hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung vượt mức bình thường không được tính vào giá trị hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát sau khi trừ các khoản bồi thường (nếu có) được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng đối với các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được và giá gốc của hàng tồn kho.
Các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản thuế đã tính vào giá trị hàng mua nhưng được hoàn lại theo quy định được ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, chi phí phát hành trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá, lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, dự phòng tổn thất đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, chiết khấu thanh toán và các chi phí liên quan đến hoạt động tài chính khác.
Chi phí đi vay và chi phí phát hành trái phiếu không đủ điều kiện vốn hóa được ghi nhận vào chi phí tài chính và phân bổ phù hợp với thời hạn của khoản vay hoặc trái phiếu;
Chi phí lãi của trái phiếu chuyển đổi được xác định theo phương pháp lãi suất thực và ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ;

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả được ghi nhận là chi phí tài chính theo bản chất của giao dịch.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ như chi phí nhân viên, quảng cáo, tiếp thị, hoa hồng, vận chuyển, bảo quản, đóng gói, bảo hành và các chi phí liên quan khác.
Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như chi phí nhân viên quản lý, vật liệu và công cụ văn phòng, khấu hao tài sản cố định, thuế, phí, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và các chi phí quản lý khác.
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (bao gồm cả chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu), chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của pháp luật.
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được ghi nhận theo quy định hiện hành; đồng thời doanh nghiệp ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng (nếu có).

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng	30/06/2026	01/01/2026
Tiền mặt	34.556.931	6.556.931
Tiền gửi không kỳ hạn	54.414.473	659.506.241
	88.971.404	**666.063.172**

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Truyền Thông và Dữ liệu thanh toán An Du (1)	190.993.115.965	-	190.993.115.965	-
Công ty TNHH Cho thuê Ô tô An Hòa Phát (2)	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại An đô (3)	24.940.000.000	-	24.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Đô Vĩnh Phúc (4)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại An Dân Hà Nội (5)	21.630.000.000	-	21.630.000.000	-
	278.563.115.965	**-**	**278.563.115.965**	**-**

(1) Khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 55% tương ứng 1.100.000 cổ phiếu.
(2) Khoản đầu tư có tỷ lệ sở hữu 90%.
(3) Khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 86% tương ứng 1.720.000 cổ phiếu.
(4) Khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 70% tương ứng 1.400.000 cổ phiếu.
(5) Khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 45,375% tương ứng 2.722.500 cổ phiếu.
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do chưa có hướng dẫn cụ thể, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị ghi sổ.

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn				
Bên khác				
Công Ty Tnhh Cung Ứng Dịch Vụ An Phát	264.000.000	-	564.000.000	-
Khách hàng khác	37.800.000	-	178.576.931	-
Bên liên quan				
Công Ty Tnhh Cho Thuê Ô Tô An Hòa Phát	132.270.000		385.000.000	
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại An Đô	97.200.000	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại An Dân Hà Nội	70.200.000	-	54.000.000	-
	601.470.000	**-**	**1.181.576.931**	**-**

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2026	01/01/2026
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam	64.800.000	-
	64.800.000	**-**

5. Phải thu khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
5.1. Ngắn hạn				
Bên khác				
Tạm ứng	1.703.314.887	-	642.613.825	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	35.910	-	-	-
	1.703.350.797	**-**	**642.613.825**	**-**

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2026	227.751.865	227.751.865
Số dư 30/06/2026	**227.751.865**	**227.751.865**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư 01/01/2026	227.751.865	227.751.865
Số dư 30/06/2026	**227.751.865**	**227.751.865**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2026	-	-
Tại ngày 30/06/2026	-	-
TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		227.751.865

7. Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026	01/01/2026
7.1. Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	60.000.000	-
	60.000.000	**-**

8. Phải trả người bán

	30/06/2026	01/01/2026
Ngắn hạn		
Công Ty Cổ Phần Gami Bất Động Sản	132.000.000	-
	132.000.000	**-**

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2026	Thực nộp	Phải nộp	01/01/2026
Thuế GTGT phải nộp	22.808.156	89.477.454	104.584.934	7.700.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.436.221	164.178.313	89.436.221	164.178.313
Thuế thu nhập cá nhân	31.080.174	66.521.450	80.147.450	17.454.174
	143.324.551	**83.162.395**	**37.153.783**	**189.333.163**

9.1. Phải nộp

	30/06/2026	01/01/2026
Thuế giá trị gia tăng	22.808.156	7.700.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.436.221	164.178.313
Thuế thu nhập cá nhân	31.080.174	17.454.174
	143.324.551	**189.333.163**

10. Chi phí phải trả

10.1. Ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Các khoản phải trả khác	65.000.000	230.000.000
	65.000.000	**230.000.000**

11. Phải trả khác

	30/06/2026	01/01/2026
Ngắn hạn		
Bên khác		
Kinh phí công đoàn; Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	25.146.495	17.786.495
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	14.543.072	14.543.072
	39.689.567	**32.329.567**

12. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2025	199.999.990.000	76.628.400.000	12.925.921.534	289.554.311.534
Lãi/(lỗ) trong kỳ			10.755.106.218	10.755.106.218
Chia cổ tức			(19.999.999.000)	(19.999.999.000)
Số dư 30/06/2025	**199.999.990.000**	**76.628.400.000**	**3.681.028.752**	**280.309.418.752**
Số dư 01/01/2026	199.999.990.000	76.628.400.000	3.479.109.888	280.107.499.888
Lãi/(lỗ) trong kỳ			357.744.885	357.744.885
Số dư 30/06/2026	**199.999.990.000**	**76.628.400.000**	**3.836.854.773**	**280.465.244.773**

Phân phối lợi nhuận	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Tổng lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	3.479.109.888	12.925.921.534
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ	357.744.885	10.755.106.218
Phân phối lợi nhuận năm trước, trong đó:		**19.999.999.000**
Trả cổ tức		19.999.999.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**3.836.854.773**	**3.681.028.752**

12.1. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026		01/01/2026	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Vốn góp của công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS	20,00	39.999.000.000	20,00	39.999.000.000
Bà Trần Thị Thanh Tú	-	-	14,63	29.250.000.000
Ông Phùng Văn Hùng	9,90	19.800.000.000	9,90	19.800.000.000
Ông Hoàng Việt Thắng	15,26	30.510.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư G-Holding	6,84	13.680.000.000	6,84	13.680.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	6,48	12.960.000.000	6,48	12.960.000.000
Cổ đông khác	41,53	83.050.990.000	42,16	84.310.990.000
	100,00	**199.999.990.000**	**100,00**	**199.999.990.000**

12.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	199.999.990.000	199.999.990.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	199.999.990.000	199.999.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	19.999.999.000
Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-

12.3. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**19.999.999**	**19.999.999**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	19.999.999	19.999.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	19.999.999	19.999.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

13. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

13.1. Tài sản cho thuê ngoài

	30/06/2026	01/01/2026
Tổng số tiền thuê dự kiến phải trả trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Từ 1 năm trở xuống;	429.000.000	924.000.000
	429.000.000	**924.000.000**

13.2. Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê văn phòng số 010822/GML-ETC ngày 01/08/2022 và phụ lục gia hạn ngày 26/12/2025 với Công ty Cổ phần Gami Bất động sản, diện tích thuê 40m2, thời hạn thuê 12 tháng kể từ ngày 01/01/2026.

	30/06/2026	01/01/2026
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Từ 1 năm trở xuống;	66.000.000	132.000.000
	66.000.000	**132.000.000**

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.500.245.455	1.785.000.000
	1.500.245.455	**1.785.000.000**

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Giá vốn cung cấp dịch vụ	300.000.000	492.212.104
	300.000.000	**492.212.104**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Lãi tiền gửi	199.516	249.230
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	9.900.000.000
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	790.080.000
	199.516	**10.690.329.230**

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
5.1. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	558.209.000	575.421.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.765.567	50.000.000
Chi phí bằng tiền khác	103.289.298	388.813.020
	753.263.865	**1.014.234.353**

6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí nhân công	858.209.000	875.586.333
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	192.047.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.765.567	50.000.000
Chi phí khác bằng tiền	103.289.298	388.813.020
	1.053.263.865	**1.506.446.457**

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

7.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Lợi nhuận kế toán trước thuế	447.181.106	10.968.882.773
Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	89.436.221	2.193.776.555
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế ()	-	(1.980.000.000)
	89.436.221	**213.776.555**

Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

VII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	Công ty con
Công ty TNHH Cho thuê Ô tô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại An đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Đô Vĩnh Phúc	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	Công ty liên kết
Bà Trần Thị Phương Mai	Chủ tịch HĐQT Công ty con
Thành viên quản lý chủ chốt	

2.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau

Bên liên quan/ Nội dung	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	340.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Đô		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	475.000.000	420.000.000

2.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

2.4. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau

Thu nhập của Ban Giám đốc, HĐQT và Ban KS		Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng giám đốc	300.000.000	323.994.333
Lê Minh Khuê	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 19/04/2025)	-	18.000.000
Lê Quốc Khánh	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 19/04/2025)	30.000.000	12.000.000
Nguyễn Trần Minh Quân	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Đào Thị Như Thùy	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 18/04/2026)	10.800.000	18.000.000
Võ Hà Trúc Quỳnh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 18/04/2026)	7.200.000	-
Lê Thị Hương Giang	Trưởng BKS	18.000.000	18.000.000
Ninh Thị Liễu	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 19/04/2025)	-	7.200.000
Đinh Thị Duyên	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 19/04/2025)	12.000.000	4.800.000
Trịnh Lệ Thủy	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

5. Những thông tin khác

Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Hà Nội, Việt Nam, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Thị Thanh Thủy

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE
Ký ngày: 28/8/2026 19:05:56